

SAO Y

Đại học Quốc gia Hà Nội

Thời gian ký: 24/11/2022 09:55:08 +07:00

## **ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Số: 3626/QĐ-ĐHQGHN

### **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 21 tháng 10 năm 2022*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội**

### **GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 3349/NQ-HĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng Đại học Quốc gia Hà Nội nhiệm kỳ 2018-2023 về việc thông qua Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy chế đào tạo đại học ban hành theo Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng TT&QTTH (đăng website);
- Lưu: VT, BĐT, Th50.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

*(đã ký)*

**Nguyễn Hoàng Hải**

---

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**QUY CHẾ ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC TẠI ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3626/QĐ-ĐHQGHN ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định về đào tạo đại học theo hình thức chính quy và hình thức vừa làm vừa học tại Đại học Quốc gia Hà Nội, bao gồm: chương trình đào tạo và thời gian học tập; tổ chức và quản lý đào tạo; nghiên cứu khoa học của sinh viên; quyền lợi và nghĩa vụ của giảng viên, cố vấn học tập, sinh viên; kiểm tra, thi và đánh giá kết quả học tập; công nhận tốt nghiệp.
2. Quy chế này áp dụng cho các chương trình đào tạo do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội, Hiệu trưởng các trường thành viên cấp bằng và các chương trình đào tạo liên

kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng, hai bên cùng cấp bằng.

3. Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị và cá nhân tham gia vào quá trình đào tạo đại học tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

## **Điều 2. Phân cấp tổ chức và quản lý đào tạo**

1. Hệ thống tổ chức và quản lý đào tạo đại học gồm hai cấp: cấp Đại học Quốc gia Hà Nội và cấp đơn vị đào tạo.
  - a) Đại học Quốc gia Hà Nội
    - Chỉ đạo và điều hành thống nhất công tác tổ chức và quản lý đào tạo theo cơ chế mở, liên thông, liên kết và hợp tác giữa các đơn vị đào tạo.
    - Điều phối sử dụng các nguồn lực chung (nhân lực, cơ sở vật chất - kỹ thuật) phục vụ đào tạo.
    - Quản lý toàn diện công tác tổ chức và quản lý đào tạo của các trường/khoa trực thuộc.
  - b) Đơn vị đào tạo
    - Tổ chức và quản lý đào tạo các ngành học, học phần đã được Đại học Quốc gia Hà Nội giao nhiệm vụ; công nhận kết quả học tập của sinh viên giữa các đơn vị đào tạo; kết quả học tập của sinh viên được tích lũy ở các trường đối tác thông qua trao đổi sinh viên; xây dựng học liệu dùng chung.
    - Xây dựng những ngành học mới, chương trình đào tạo mới, chú trọng các chương trình đào tạo có tính liên ngành, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét thẩm định, ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo.
1. Phân công giảng dạy các học phần chung
  - a) Các học phần ngoại ngữ chung do Trường Đại học Ngoại ngữ giảng dạy, trừ các đơn vị có ngành/khoa/bộ môn đào tạo ngoại ngữ;
  - b) Các học phần lý luận chính trị do Trường Đại học Kinh tế và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn giảng dạy;
  - c) Các học phần pháp luật do Trường Đại học Luật giảng dạy;
  - d) Các học phần Giáo dục quốc phòng - an ninh do Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh giảng dạy;
  - đ) Các học phần giáo dục thể chất do Trung tâm Giáo dục Thể chất và Thể thao giảng dạy;
  - e) Các học phần tin học cơ sở do Trường Đại học Công nghệ và Trường Đại học Khoa học Tự nhiên giảng dạy, trừ các đơn vị có ngành đào tạo về khoa học máy tính/công

nghệ thông tin;

g) Các học phần kỹ năng bổ trợ do đơn vị đào tạo xây dựng chương trình và tổ chức giảng dạy hoặc Trung tâm Dự báo và Phát triển Nguồn nhân lực làm đầu mối xây dựng chương trình, trình Đại học Quốc gia Hà Nội xem xét, phê duyệt ban hành và giao nhiệm vụ tổ chức triển khai thực hiện;

h) Các học phần còn lại do đơn vị quản lý học phần giảng dạy.

### **Điều 3. Nguyên tắc đảm bảo chất lượng và hiệu quả giáo dục**

1. Nội dung đào tạo, phương pháp dạy - học, kiểm tra đánh giá và phương thức quản lý phải phù hợp và đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.
2. Phát triển các chương trình đào tạo mới, có tính liên ngành đáp ứng nhu cầu hiện tại và tương lai của xã hội.
3. Ưu tiên đầu tư điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục.
4. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, hoạt động thực tiễn.
5. Kiểm định chất lượng giáo dục là yêu cầu bắt buộc trong đào tạo.

### **Điều 4. Hình thức dạy học, tín chỉ, giờ tín chỉ**

1. Hình thức dạy học
  - a) Lý thuyết: sinh viên học tập trên lớp qua bài giảng trực tiếp của giảng viên tại lớp học hoặc qua các lớp học trực tuyến;
  - b) Thực hành: sinh viên học tập qua thực hành, thực tập, làm thí nghiệm, làm bài tập, thảo luận, đọc và nghiên cứu tài liệu dưới sự hướng dẫn của giảng viên;
  - c) Tự học: sinh viên tự học tập và nghiên cứu theo kế hoạch và nội dung do giảng viên giao và được kiểm tra đánh giá.
2. Tín chỉ là đại lượng xác định khối lượng kiến thức, kỹ năng mà sinh viên tích lũy được từ học phần trong 15 giờ tín chỉ.
3. Giờ tín chỉ là đại lượng đo thời lượng học tập của sinh viên, được phân thành ba loại theo các hình thức dạy học và được xác định như sau:
  - a) Một giờ tín chỉ lý thuyết bằng 01 tiết lý thuyết; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ lý thuyết sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân;
  - b) Một giờ tín chỉ thực hành bằng 2 - 3 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 3 - 6 tiết thực tập tại cơ sở; 3 - 4 tiết làm tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp; một giờ tín chỉ bài tập bằng 2 tiết trên lớp; để tiếp thu được 1 giờ tín chỉ thực hành/bài tập sinh viên phải dành ít nhất 2 tiết chuẩn bị cá nhân;

c) Một giờ tín chỉ tự học bắt buộc bằng 3 tiết tự học bắt buộc và được kiểm tra đánh giá.

## **Điều 5. Học phần**

1. Học phần là một phần kiến thức của chương trình đào tạo; mỗi học phần có khối lượng kiến thức từ 2 đến 5 tín chỉ, được tổ chức giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ (trừ học phần thực tập thực tế); mỗi học phần có mã số riêng do thủ trưởng đơn vị đào tạo ban hành dựa trên nguyên tắc đánh mã của Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Các loại học phần
  - a) Học phần bắt buộc: sinh viên bắt buộc phải tích lũy;
  - b) Học phần tự chọn có điều kiện: sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của đơn vị đào tạo;
  - c) Học phần tự chọn tự do: sinh viên tự chọn theo nhu cầu cá nhân phù hợp các yêu cầu học tập;
  - d) Học phần tiên quyết của một học phần: sinh viên phải tích lũy trước khi học học phần đó;
  - đ) Khóa luận, đồ án tốt nghiệp là học phần thuộc khối kiến thức bắt buộc, có thời lượng từ 5 đến 10 tín chỉ được quy định cụ thể trong chương trình đào tạo;
  - e) Thực tập, thực tế (nếu có) là một học phần bắt buộc;
  - g) Học phần điều kiện là các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ. Kết quả đánh giá các học phần điều kiện không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy, nhưng là điều kiện để xét tốt nghiệp;
  - h) Học phần ngoại ngữ trong chương trình đào tạo là học phần sinh viên bắt buộc phải tích lũy trong chương trình đào tạo.
3. Đề cương học phần

Đề cương học phần do giảng viên biên soạn dựa trên chuẩn đầu ra của học phần và được thủ trưởng đơn vị quản lý học phần phê duyệt để cung cấp cho người học trước khi giảng dạy. Đề cương học phần gồm các nội dung chủ yếu sau:

  - a) Thông tin về đơn vị đào tạo (tên trường, khoa, bộ môn);
  - b) Thông tin về giảng viên;
  - c) Thông tin về học phần (tên học phần, mã số học phần, tính chất của học phần (bắt buộc hay tự chọn), số lượng tín chỉ, loại tiết học, giờ học, học phần tiên quyết, ngôn ngữ giảng dạy);
  - d) Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy của học phần;
  - đ) Thông tin về hình thức tổ chức, lịch trình dạy học;
  - e) Học liệu;

- g) Các quy định về kiểm tra đánh giá;
- h) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của đơn vị đào tạo quản lý học phần hoặc của Đại học Quốc gia Hà Nội.

4. Ngân hàng câu hỏi của học phần

- a) Mỗi học phần có ngân hàng câu hỏi do đơn vị quản lý học phần tổ chức biên soạn, được Hội đồng khoa học và đào tạo cấp khoa thẩm định và được Chủ nhiệm Khoa/Bộ môn cho phép sử dụng để lựa chọn làm đề kiểm tra đánh giá;
- b) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể việc xây dựng ngân hàng câu hỏi của học phần.

**Điều 6. Chương trình đào tạo**

1. Chương trình đào tạo đại học thể hiện mục tiêu, phạm vi và cấu trúc nội dung đào tạo đại học; quy định chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm, phương pháp và hình thức đào tạo, cách thức đánh giá kết quả học tập, đáp ứng Quy định về chuẩn chương trình đào tạo hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Một ngành học có một hoặc nhiều chương trình đào tạo với chuẩn đầu ra tương ứng.
2. Các loại chương trình đào tạo
  - a) Chương trình đào tạo chuẩn;
  - b) Chương trình đào tạo chất lượng cao;
  - c) Chương trình đào tạo tài năng;
  - d) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ;
  - đ) Chương trình đào tạo song ngành;
  - e) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng;
  - g) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội và cơ sở giáo dục nước ngoài (đối tác nước ngoài) cùng cấp bằng;
  - h) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài cấp bằng.

**Điều 7. Hình thức đào tạo**

1. Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học và áp dụng cho các chương trình đào tạo quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, khoản 2, Điều 6 của Quy chế này. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo.
2. Đào tạo vừa làm vừa học được tổ chức hoạt động giảng dạy linh hoạt trong ngày, trong tuần, trong toàn khóa học và áp dụng cho chương trình đào tạo quy định tại

điểm a, khoản 2, Điều 6 của Quy chế này. Các hoạt động giảng dạy được thực hiện tại đơn vị đào tạo hoặc tại đơn vị phối hợp đào tạo theo quy định liên kết đào tạo trong nước tại Điều 10 của Quy chế này, riêng những hoạt động thực hành, thực tập, trải nghiệm thực tế và giảng dạy trực tuyến có thể thực hiện ngoài đơn vị đào tạo, đơn vị phối hợp đào tạo.

## **Điều 8. Kinh phí đào tạo**

### **1. Nguồn kinh phí đào tạo**

Kinh phí để tổ chức đào tạo một ngành học bao gồm kinh phí từ ngân sách nhà nước, học phí và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

#### **a) Kinh phí từ ngân sách nhà nước**

Đại học Quốc gia Hà Nội phân bổ kinh phí theo định mức và chỉ tiêu đào tạo hàng năm cho các ngành học được cấp ngân sách nhà nước.

#### **b) Học phí**

- Sinh viên theo học bất kỳ ngành học nào đều phải trả học phí (trừ sinh viên thuộc đối tượng được miễn giảm theo quy định hiện hành của nhà nước).
- Sinh viên trả học phí theo kỳ hoặc số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ tại đơn vị đào tạo quản lý ngành học mà sinh viên theo học.
- Học phí được tính theo công thức:  
$$M = a * \sum (h_i * n_i) \quad (i=1 \text{ to } k)$$
  
trong đó:  
M: Số học phí phải nộp  
a: Định mức học phí cho một tín chỉ theo hình thức đào tạo và chương trình đào tạo  
h<sub>i</sub>: Hệ số học phí của học phần thứ i mà sinh viên học lần đầu (h<sub>1</sub>), học lại (h<sub>2</sub>), học cải thiện điểm (h<sub>3</sub>), học tự chọn tự do (h<sub>4</sub>)  
n<sub>i</sub>: Số tín chỉ của học phần thứ i  
k: Tổng số học phần
- Thủ trưởng đơn vị đào tạo xây dựng định mức học phí cho một tín chỉ và hệ số học phí của từng học phần cho các ngành học, phù hợp với các quy định chung của nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội, báo cáo Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cụ thể và công bố cho sinh viên biết cách thức thu, nộp và xét miễn giảm học phí.
- Các đơn vị đào tạo thực hiện chế độ miễn, giảm học phí cho sinh viên theo quy định của nhà nước và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác**

Các nguồn kinh phí hợp pháp dành cho công tác đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.

**1. Sử dụng kinh phí đào tạo**

- a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định việc sử dụng kinh phí đào tạo theo quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.
- b) Đơn vị quản lý nguồn kinh phí đào tạo có trách nhiệm thanh toán kinh phí cho đơn vị thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 2, Điều 2 của Quy chế này theo tỷ lệ và định mức do Đại học Quốc gia Hà Nội quy định.
- c) Đơn vị được giao quản lý cơ sở vật chất được sử dụng một phần kinh phí đào tạo để duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Tỷ lệ và định mức do các đơn vị thống nhất dựa trên các quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 9. Tuyển sinh**

**1. Chỉ tiêu tuyển sinh**

- a) Hàng năm, căn cứ vào các điều kiện đảm bảo chất lượng, nhu cầu xã hội và tình hình sinh viên có việc làm đúng chuyên môn sau tốt nghiệp, đơn vị đào tạo xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh cho từng ngành học, từng hình thức đào tạo với chương trình đào tạo tương ứng của năm học tiếp theo, trước ngày 31 tháng 12 báo cáo và đề nghị Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội phê duyệt;
- b) Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh cho các đơn vị đào tạo trước ngày 01 tháng 3 hàng năm và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo. Sau khi có quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển sinh của Đại học Quốc gia Hà Nội, các đơn vị đào tạo mới được tổ chức tuyển sinh, tổ chức đào tạo.

**2. Tổ chức tuyển sinh**

Hàng năm, căn cứ quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành văn bản hướng dẫn về công tác tuyển sinh áp dụng tại Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 10. Liên kết đào tạo trong nước**

- 1. Liên kết đào tạo chỉ thực hiện đối với hình thức vừa làm vừa học theo quy định tại khoản 22, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học và theo quy định tại khoản 2, 3, Điều này; không thực hiện việc liên kết đào tạo đối với các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe có cấp chứng chỉ hành nghề.
- 2. Các yêu cầu tối thiểu đối với đơn vị chủ trì đào tạo
  - a) Đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục đại học bởi tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hợp pháp và còn hiệu lực theo quy định;



b) Chương trình đào tạo dự kiến liên kết đào tạo đã được tổ chức thực hiện tối thiểu 03 khoá liên tục theo hình thức chính quy; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu chương trình đào tạo đã được công nhận đạt chuẩn chất lượng theo quy định hiện hành;

c) Bảo đảm đội ngũ giảng viên cơ hữu giảng dạy tối thiểu 70% nội dung, khối lượng chương trình đào tạo;

d) Đã ban hành quy định về liên kết và đã thẩm định các điều kiện bảo đảm chất lượng của đơn vị phối hợp đào tạo.

3. Các yêu cầu tối thiểu của đơn vị phối hợp đào tạo

a) Đáp ứng các yêu cầu về môi trường sư phạm, cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện và cán bộ quản lý theo yêu cầu của chương trình đào tạo;

b) Đã có báo cáo tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục gửi về cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; từ khóa tuyển sinh năm 2024 yêu cầu đã được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục theo quy định hiện hành.

4. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết đào tạo

a) Đơn vị chủ trì đào tạo và đơn vị phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm ký kết hợp đồng liên kết đào tạo, thỏa thuận cụ thể về quyền và trách nhiệm của các bên trong việc phối hợp tổ chức thực hiện, quản lý quá trình dạy học bảo đảm chất lượng đào tạo và thực hiện nội dung đã thỏa thuận phù hợp với các quy định của Quy chế này và các quy định pháp luật khác có liên quan;

b) Đơn vị chủ trì đào tạo chịu trách nhiệm quản lý chất lượng đào tạo; báo cáo hoạt động liên kết đào tạo với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi liên kết đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh; nếu đơn vị phối hợp đào tạo không đáp ứng được các yêu cầu về bảo đảm chất lượng theo quy định của học phần hoặc của chương trình đào tạo thì phải chuyển sinh viên về đơn vị chủ trì liên kết để tiếp tục đào tạo theo quy định và bảo đảm quyền lợi cho sinh viên;

c) Đơn vị phối hợp đào tạo có trách nhiệm cùng đơn vị chủ trì đào tạo bảo đảm đủ điều kiện cơ sở vật chất thực hiện đào tạo; tham gia quản lý, giảng dạy, theo thỏa thuận giữa hai bên;

d) Đơn vị chủ trì đào tạo, đơn vị phối hợp đào tạo chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện hợp đồng liên kết đào tạo; thực hiện các quy chế về tuyển sinh, đào tạo; bảo đảm quyền lợi chính đáng cho giảng viên, sinh viên trong suốt quá trình thực hiện hoạt động đào tạo, cho đến khi sinh viên khóa cuối cùng tốt nghiệp trong trường hợp dừng hợp tác.

## **Chương II**

### **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **Điều 11. Cấu trúc chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo được sắp xếp theo các khối kiến thức:

1. Khối kiến thức chung được tổ chức giảng dạy thống nhất cho tất cả các ngành học.
2. Khối kiến thức theo lĩnh vực được tổ chức giảng dạy thống nhất cho các ngành học thuộc cùng lĩnh vực.
3. Khối kiến thức theo khối ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng khối ngành.
4. Khối kiến thức theo nhóm ngành được tổ chức giảng dạy cho các ngành học thuộc cùng nhóm ngành.
5. Khối kiến thức ngành được tổ chức giảng dạy cho một ngành học.

### **Điều 12. Nguyên tắc xây dựng ngành học mới**

Đơn vị đào tạo xây dựng đề án mở ngành học mới theo nguyên tắc:

1. Có nhu cầu xã hội cao, được chứng minh qua điều tra khảo sát tại các cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp.
2. Phù hợp với sứ mệnh, gắn liền với chiến lược phát triển của Đại học Quốc gia Hà Nội và của đơn vị đào tạo; có vai trò thí điểm tiên phong trong hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam.
3. Không trùng với ngành học do đơn vị đào tạo khác trong Đại học Quốc gia Hà Nội đang làm đầu mối phụ trách. Trường hợp đặc biệt do Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội quyết định.
4. Phù hợp với các điều kiện đảm bảo chất lượng hiện có của đơn vị đào tạo.
5. Phát huy hiệu quả hợp tác quốc tế.

### **Điều 13. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

1. Chuẩn đầu ra là yêu cầu bắt buộc khi xây dựng chương trình đào tạo. Ngoài ra, đối với các chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, chuẩn đầu ra phải đáp ứng yêu cầu: Có kiến thức cơ bản vững vàng, có khả năng áp dụng kiến thức chuyên sâu và kiến thức thực tế trong lĩnh vực đào tạo để phân tích, đánh giá, sáng tạo trong nghiên cứu và giải quyết các công việc phức tạp, có khả năng hội nhập quốc tế; có năng lực và trình độ chuyên môn cao (thể hiện qua kết quả học tập và nghiên cứu khoa học).

2. Chuẩn đầu ra bao gồm:
  - a) Chuẩn về kiến thức;
  - b) Chuẩn về kỹ năng;
  - c) Mức tự chủ và trách nhiệm;
  - d) Phẩm chất đạo đức.
3. Chuẩn đầu ra về trình độ ngoại ngữ quy định như sau:
  - a) Tương đương trình độ bậc 3 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với các chương trình đào tạo chuẩn, ngành chính - ngành phụ, song ngành);
  - b) Tương đương trình độ bậc 4 (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội đối với chương trình đào tạo tài năng, chất lượng cao, chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng và các chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài và Đại học Quốc gia Hà Nội cùng cấp bằng.
4. Thủ trưởng đơn vị đào tạo chỉ đạo việc xây dựng chuẩn đầu ra, tổ chức hội thảo rộng rãi lấy ý kiến đóng góp của các nhà quản lý, các nhà khoa học, giảng viên, cơ sở sử dụng người học sau tốt nghiệp, cựu sinh viên để hoàn thiện và công bố chuẩn đầu ra của từng chương trình đào tạo.

#### **Điều 14. Thiết kế chương trình đào tạo**

1. Nguyên tắc thiết kế chương trình đào tạo  
Chương trình đào tạo được thiết kế hướng tới đạt chuẩn đầu ra và tiến hành theo quy trình 4 bước:
  - a) Hình thành mục tiêu, điều tra nhu cầu và xây dựng chuẩn đầu ra;
  - b) Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra;
  - c) Tổ chức đào tạo thí điểm, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình đào tạo;
  - d) Triển khai đào tạo chính thức.
2. Thiết kế chương trình đào tạo
  - a) Chương trình đào tạo chuẩn được thiết kế tối thiểu 120 tín chỉ đối với đào tạo cử nhân, 150 tín chỉ đối với đào tạo kỹ sư, 155 tín chỉ đối với đào tạo dược sĩ và tối thiểu 205 tín chỉ đối với đào tạo bác sĩ;
  - b) Chương trình đào tạo chất lượng cao được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 15 tín chỉ, trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số học phần, có tham khảo chương trình đào tạo nước ngoài hoặc trên cơ sở chương trình đào tạo của một trường đại học tiên tiến có uy tín trên thế giới đã được điều chỉnh

phù hợp với các quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Chương trình đào tạo tài năng được thiết kế nhiều hơn chương trình đào tạo chuẩn tương ứng ít nhất là 30 tín chỉ, trên cơ sở nâng cao, bổ sung một số học phần với yêu cầu trình độ cao hơn và nội dung rộng hơn, sâu hơn, có tham khảo chương trình đào tạo nước ngoài có uy tín;

d) Chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ

Ngoài nội dung chương trình đào tạo được thiết kế cho ngành thứ nhất với khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ, có thể bổ sung các học phần của chương trình đào tạo ngành thứ hai hoặc các học phần bổ trợ kiến thức khác với khối lượng kiến thức ít nhất 15 tín chỉ, chủ yếu thuộc khối kiến thức ngành, để tạo thành chương trình đào tạo ngành chính - ngành phụ. Các học phần bổ sung được thể hiện trong phụ lục văn bằng cấp kèm theo bằng tốt nghiệp. Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa trong cùng một đơn vị đào tạo hoặc giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội.

đ) Chương trình đào tạo song ngành

Chương trình đào tạo song ngành gồm hai phần: Chương trình đào tạo ngành thứ nhất có khối lượng kiến thức tối thiểu là 120 tín chỉ, ngành thứ hai có khối lượng kiến thức từ 30 tín chỉ trở lên (những học phần giống nhau, tương đương giữa hai chương trình đào tạo chỉ được tính khối lượng kiến thức một lần). Việc tổ chức và quản lý đào tạo được thực hiện liên thông giữa các khoa/bộ môn trong cùng một đơn vị đào tạo, giữa các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;

e) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội cấp bằng được thiết kế theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội và tham khảo chương trình đào tạo của đối tác nước ngoài để điều chỉnh, bổ sung đáp ứng yêu cầu và điều kiện thực tế của Việt Nam;

g) Chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do Đại học Quốc gia Hà Nội và đối tác nước ngoài cùng cấp bằng được thiết kế trên cơ sở quy định về thiết kế chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội và nội dung thỏa thuận hợp tác ký kết giữa hai bên;

h) Quy chế này không quy định việc thiết kế chương trình đào tạo liên kết với cơ sở giáo dục nước ngoài do đối tác nước ngoài cấp bằng.

## **Điều 15. Tổ chức xây dựng, điều chỉnh, ban hành chương trình đào tạo**

### **1. Đại học Quốc gia Hà Nội**

a) Quy định cấu trúc chương trình đào tạo theo Điều 11 của Quy chế này;

b) Thẩm định, phê duyệt đề án mở ngành học mới của đơn vị đào tạo;

c) Quyết định ban hành các chương trình đào tạo;

d) Thẩm định các điều kiện đảm bảo chất lượng và giao nhiệm vụ tổ chức đào tạo cho đơn vị đào tạo theo chương trình đào tạo đã được ban hành.

2. Đơn vị đào tạo

a) Xây dựng chương trình đào tạo, đề án mở ngành học mới và trình Đại học Quốc gia Hà Nội thẩm định, phê duyệt, ban hành;

b) Cập nhật, điều chỉnh, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo điều chỉnh theo phân cấp và quy định hiện hành của Đại học Quốc gia Hà Nội;

c) Xây dựng, nghiệm thu đề cương học phần của các học phần thuộc đơn vị quản lý.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

### **Điều 16. Học kỳ**

Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần học, từ 3 đến 4 tuần thi và 1 tuần dự phòng.

Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần học và 1 tuần thi, được tổ chức trong thời gian giữa hai học kỳ chính.

### **Điều 17. Khóa học**

1. Thời gian của khóa học

a) Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo chính quy là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân, từ 9 đến 10 học kỳ chính đối với đào tạo kỹ sư, 10 học kỳ chính đối với đào tạo dược sĩ, 12 học kỳ chính đối với đào tạo bác sĩ;

b) Thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học dài hơn tối thiểu 20% so với hình thức đào tạo chính quy của cùng chương trình đào tạo;

c) Thời gian thiết kế của khóa học đào tạo văn bằng thứ hai do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định cho từng sinh viên trên cơ sở khối lượng kiến thức đã được tích lũy và kết quả học tập được bảo lưu, nhưng không vượt quá thời gian thiết kế của chương trình đào tạo chính quy tương ứng;

d) Thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khoá học không vượt quá 2 lần thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá đối với mỗi hình thức đào tạo. Đối với sinh viên học liên thông đã được miễn trừ khối lượng tín chỉ tích lũy, thời gian tối đa để sinh viên hoàn thành khóa học được xác định trên cơ sở thời gian theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khoá giảm tương ứng với khối lượng được miễn trừ;

đ) Thời gian khóa học đồng thời hai chương trình đào tạo không vượt quá thời gian đào tạo tối đa của chương trình đào tạo thứ nhất.

## 2. Năm đào tạo

Sau mỗi học kỳ, căn cứ vào số tín chỉ tích lũy (không kể các học phần tự chọn tự do, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh và kỹ năng bổ trợ), sinh viên được xếp năm đào tạo như sau:

<b>Năm đào tạo</b>	<b>Chương trình đào tạo chuẩn</b>	<b>Chương trình đào tạo chất lượng cao</b>	<b>Chương trình đào tạo tài năng</b>
Năm thứ nhất	Dưới 35 tín chỉ	Dưới 40 tín chỉ	Dưới 45 tín chỉ
Năm thứ hai	Từ 35 - 70 tín chỉ	Từ 40 – 80 tín chỉ	Từ 45 – 90 tín chỉ
Năm thứ ba	Từ 71 – 105 tín chỉ	Từ 81 – 115 tín chỉ	Từ 91 – 130 tín chỉ
Năm thứ tư	Từ 106 – 140 tín chỉ	Từ 116 – 155 tín chỉ	Từ 131 – 170 tín chỉ
Năm thứ năm	Từ 141 – 175 tín chỉ	-	-
Năm thứ sáu	Từ 176 – 225 tín chỉ	-	-

## **Điều 18. Kế hoạch đào tạo**

1. Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành kế hoạch năm học trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.
2. Trên cơ sở kế hoạch năm học do Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành, đơn vị đào tạo xây dựng kế hoạch tổ chức đào tạo, lịch trình đào tạo chi tiết theo kế hoạch thống nhất, đảm bảo liên thông trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội và báo cáo Đại học Quốc gia Hà Nội trước ngày 31 tháng 7 hàng năm;
3. Đầu khóa học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên:
  - a) Cam kết chất lượng giáo dục;
  - b) Chương trình đào tạo;

- c) Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo;
  - d) Điều kiện đảm bảo chất lượng (đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, các phòng thí nghiệm, thư viện và hệ thống học liệu);
  - đ) Thông tin về học phí, học bổng;
  - e) Quy chế đào tạo và các quy định liên quan tới học tập, rèn luyện, sinh hoạt của sinh viên.
4. Đầu năm học, đơn vị đào tạo thông báo cho sinh viên kế hoạch học tập của năm học.
  5. Chậm nhất 01 tháng trước khi học kỳ mới bắt đầu, đơn vị đào tạo thông báo:
    - a) Thời khóa biểu của lớp học phần dự kiến giảng dạy trong học kỳ, gồm các thông tin: tên học phần, số tín chỉ, tên lớp học phần, tiết học, phòng học/địa điểm, số sinh viên tối thiểu, tối đa của lớp học phần, họ và tên, email và số điện thoại liên hệ của giảng viên phụ trách học phần và các thông tin khác;
    - b) Thời gian và cách thức tổ chức đăng ký học phần;
  6. Tùy theo tình hình đăng ký học phần thực tế, đơn vị đào tạo thông báo các học phần không thể tổ chức giảng dạy theo kế hoạch đã công bố sau khi hết hạn đăng ký học phần.
  7. Chậm nhất là một tháng sau khi kết thúc năm học, các đơn vị đào tạo nộp báo cáo tổng kết năm học về Đại học Quốc gia Hà Nội.

#### **Điều 19. Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập**

Thời gian hoạt động giảng dạy và học tập theo hình thức đào tạo chính quy của đơn vị đào tạo từ 06 giờ đến 20 giờ hàng ngày (trừ Chủ nhật) và thống nhất trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội. Một tiết học là 50 phút. Thời gian nghỉ giữa hai tiết học không quá 10 phút. Thời gian tổ chức những hoạt động đặc thù của chương trình đào tạo được thực hiện theo quy định của đơn vị đào tạo.

#### **Điều 20. Tổ chức giảng dạy và học tập**

1. Lớp khóa học
  - a) Lớp khóa học được tổ chức cho các sinh viên cùng một ngành học trong cùng một khóa học và ổn định từ đầu đến cuối mỗi khóa. Phụ trách lớp khóa học là giáo viên chủ nhiệm. Đại diện lớp khóa học là Ban cán sự lớp.
  - b) Lớp khóa học được gọi tên theo ngành học và năm nhập học của sinh viên, có mã hiệu theo quy định của Đại học Quốc gia Hà Nội.
  - c) Sinh viên được phép nghỉ học tạm thời, khi trở lại học tiếp, được bố trí vào lớp khóa học phù hợp với khối lượng kiến thức đã tích lũy nhưng giữ nguyên mã sinh viên đã được cấp. Trường hợp sinh viên được bố trí vào lớp khóa học có những học phần

trong chương trình đào tạo khác biệt so với chương trình đào tạo mà sinh viên đã theo học trước khi nghỉ học tạm thời, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định cho sinh viên được bảo lưu hoặc phải học bổ sung những học phần tương đương.

**2. Lớp học phần**

a) Lớp học phần được tổ chức cho sinh viên học cùng một học phần trong cùng một học kỳ. Đơn vị đào tạo phụ trách học phần có trách nhiệm thành lập và quản lý lớp học phần;

b) Tên lớp học phần được gọi theo mã học phần. Một học phần có nhiều lớp học phần, thì tên mỗi lớp sẽ là tên lớp học phần và bổ sung thêm số thứ tự lớp học phần;

c) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định số lượng sinh viên tối thiểu và tối đa cho mỗi lớp học phần. Lớp học phần sẽ không được tổ chức nếu số sinh viên đăng ký ít hơn số lượng sinh viên tối thiểu đã quy định, khi đó sinh viên phải đăng ký học phần khác nếu chưa đủ khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ;

d) Thời khóa biểu của các lớp học phần bình thường được bố trí đều trong các tuần của học kỳ. Trong trường hợp cần thiết phải xếp lịch học tập trung thời gian, số giờ giảng đối với một học phần bất kỳ không vượt quá 15 giờ/tuần và 4 giờ/ngày.

**3. Dạy và học trực tuyến**

a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định tổ chức các lớp học theo phương thức trực tuyến khi đáp ứng các quy định hiện hành về ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và tổ chức đào tạo qua mạng; có các giải pháp bảo đảm chất lượng và minh chứng về chất lượng tổ chức lớp học theo phương thức trực tuyến và không thấp hơn chất lượng lớp học theo phương thức trực tiếp;

b) Đối với đào tạo theo hình thức chính quy và vừa làm vừa học, tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến. Trong trường hợp thiên tai, dịch bệnh phức tạp và các trường hợp bất khả kháng khác, đơn vị đào tạo thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Đại học Quốc gia Hà Nội.

**Điều 21. Tổ chức đăng ký học phần**

1. Số tín chỉ đăng ký học trong mỗi học kỳ chính (không bao gồm các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng - an ninh, kỹ năng bổ trợ, cải thiện điểm, tự chọn tự do) đảm bảo điều kiện khối lượng đăng ký tối thiểu không ít hơn 2/3 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn; khối lượng tối đa không vượt quá 3/2 khối lượng trung bình một học kỳ theo kế hoạch học tập chuẩn (không tính học kỳ cuối khóa). Trường hợp sinh viên có nguyện vọng đăng ký học ít hơn số tín chỉ tối thiểu trong một học kỳ phải được sự đồng ý của thủ trưởng đơn vị đào tạo. Đối với học kỳ phụ: Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định.



## 2. Đăng ký học phần

- a) Việc tổ chức đăng ký học các học phần trong chương trình đào tạo do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Sinh viên được đăng ký học và thi các học phần trong chương trình đào tạo (theo ngôn ngữ quy định) do bất kỳ một đơn vị đào tạo nào thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức giảng dạy. Kết quả các học phần này được chuyển đổi và được công nhận ở tất cả các đơn vị đào tạo trong Đại học Quốc gia Hà Nội;
- b) Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản và trên trang thông tin điện tử của đơn vị kế hoạch giảng dạy, thời khóa biểu các học phần trước thời gian đăng ký học 01 tháng để sinh viên biết, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho sinh viên của đơn vị khác đăng ký học phần; chuyển dữ liệu đăng ký học phần, dữ liệu điểm học phần của sinh viên tới đơn vị đào tạo quản lý sinh viên ngay sau khi kết thúc thời gian đăng ký học và kết thúc việc chấm thi;
- c) Tất cả các đơn vị đào tạo trong toàn Đại học Quốc gia Hà Nội sử dụng thống nhất phần mềm và cơ sở dữ liệu quản lý đào tạo, quản lý người học;
- d) Khi đăng ký học các học phần tự chọn, sinh viên phải xác định rõ học phần tự chọn có điều kiện hay học phần tự chọn tự do trong chương trình đào tạo. Những học phần tự chọn tự do đạt điểm D trở lên được ghi trong phụ lục văn bằng cấp kèm theo bằng tốt nghiệp, không tính vào điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy.

## 3. Thời gian đăng ký học phần

- a) Trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, tùy theo khả năng và điều kiện học tập, sinh viên tham khảo ý kiến tư vấn của cố vấn học tập để đăng ký các học phần dự định sẽ học trong học kỳ đó;
- b) Chậm nhất là 1 tháng trước khi bắt đầu mỗi học kỳ, sinh viên phải hoàn thành đăng ký các học phần;
- c) Trong 2 tuần đầu của học kỳ chính hoặc trong 1 tuần đầu của học kỳ phụ, sinh viên được phép đăng ký những học phần muốn học thêm hoặc đăng ký đổi sang lớp học phần khác.

## 4. Đăng ký học lại

- a) Đối với các học phần bắt buộc, nếu bị điểm F, sinh viên phải đăng ký học lại học phần đó;
- b) Đối với học phần tự chọn có điều kiện, nếu bị điểm F, sinh viên đăng ký học lại học phần đó hoặc đăng ký học học phần tự chọn khác cùng khối kiến thức để thay thế.

## 5. Đăng ký học cải thiện điểm

Đối với các học phần đạt điểm D, D+, sinh viên được đăng ký học lại học phần đó

hoặc đổi sang học phần khác (nếu là học phần tự chọn có điều kiện) để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy. Điểm học phần cũ bị hủy bỏ khi việc đăng ký học lại để cải thiện điểm được chấp nhận và sẽ được thay bằng điểm học phần để cải thiện điểm.

**6. Kết quả đăng ký học phần**

Đơn vị đào tạo thông báo kết quả đăng ký học phần cho sinh viên khi sinh viên đã hoàn thành việc đăng ký đảm bảo khối lượng học tập tối thiểu của học kỳ quy định tại khoản 1, Điều này.

**7. Đăng ký đề tài khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp**

**a) Thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định**

- Điều kiện được đăng ký, quy trình đăng ký nhận đề tài, hình thức và thời gian làm khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp;
- Số lượng khóa luận, đồ án tốt nghiệp tối đa do một giảng viên hướng dẫn trong cùng một thời gian;
- Nhiệm vụ của giảng viên hướng dẫn, trách nhiệm của bộ môn đối với sinh viên trong thời gian làm khóa luận, đồ án tốt nghiệp;
- Quy định về trích dẫn và chống đạo văn trong hoạt động học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học;
- Hình thức, quy trình bảo vệ và đánh giá khóa luận, đồ án tốt nghiệp.

b) Hiệu trưởng Trường/Chủ nhiệm khoa trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội, Chủ nhiệm khoa thuộc trường đại học thành viên phân công cán bộ hướng dẫn khóa luận, đồ án tốt nghiệp theo đề nghị của Chủ nhiệm bộ môn. Đề tài khóa luận, đồ án tốt nghiệp do giảng viên hướng dẫn đề nghị và được thông qua ở cấp bộ môn.

c) Sinh viên không đủ điều kiện làm khóa luận hoặc đồ án tốt nghiệp sẽ đăng ký học các học phần thay thế do thủ trưởng đơn vị đào tạo quy định. Các học phần thay thế cho khóa luận, đồ án tốt nghiệp được tổ chức đào tạo, kiểm tra đánh giá như các học phần khác.

**Điều 22. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ**

Các học phần có cùng nội dung, thời lượng mà sinh viên chuyển trường trong và ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội, học liên thông (nếu có), học cùng lúc hai chương trình đào tạo, học tại trường đại học nước ngoài đã tích lũy được xem xét công nhận. Các học phần khác, căn cứ chương trình đào tạo và nội dung đào tạo, thủ trưởng đơn vị đào tạo quyết định bảo lưu hoặc tương đương. Điểm và số tín chỉ của các học phần được bảo lưu hoặc tương đương

được công nhận và chuyển đổi để lập hồ sơ sinh viên trước khi bắt đầu thực hiện kế hoạch học tập theo chương trình đào tạo mới.

1. Kết quả học tập của người học đã tích lũy từ một trình độ đào tạo khác, một hệ thống tín chỉ khác, một ngành đào tạo hoặc một chương trình đào tạo khác, một khóa học khác hoặc từ một cơ sở đào tạo khác ở trong và ngoài nước được đơn vị đào tạo xem xét công nhận, chuyển đổi sang tín chỉ của những học phần trong chương trình đào tạo theo học.
2. Hội đồng chuyên môn của đơn vị đào tạo xem xét quyết định công nhận, chuyển đổi tín chỉ trên cơ sở đối sánh chuẩn đầu ra, nội dung và khối lượng học tập, cách thức đánh giá học phần và các điều kiện bảo đảm chất lượng thực hiện chương trình theo các cấp độ:
  - a) Công nhận, chuyển đổi theo từng học phần;
  - b) Công nhận, chuyển đổi theo từng nhóm học phần, khối kiến thức;
  - c) Công nhận, chuyển đổi theo cả chương trình đào tạo.
3. Đơn vị đào tạo công khai quy định việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ. Khối lượng tối đa được công nhận, chuyển đổi không vượt quá 50% khối lượng học tập tối thiểu của chương trình đào tạo; riêng đối với ngành đào tạo giáo viên thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Công nhận tín chỉ trong trao đổi sinh viên: Việc đánh giá và công nhận lẫn nhau số lượng tín chỉ mà sinh viên tích lũy tại cơ sở đào tạo ngoài Đại học Quốc gia Hà Nội không vượt quá 25% tổng khối lượng của chương trình đào tạo.